TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DIỄN CHÂU – NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 25 - 10- 2017.
V/v : "Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thế Kỷ
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Dung
2. Bà Nguyễn Thị Liên

***- Thư ký phiên Tòa*:** Ông Phạm Hồng Lĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu – Nghệ An.

- Đại diện VKS nhân dân huyện Diễn Châu tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 25 tháng 10 năm 2017, tại hội trường Tòa án huyện Diễn Châu, xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 208/2017/TLST – HNGĐ ngày 06/10/2017 về việc "Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 210/2017/QĐXX-ST ngày 17 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: chị Trần Thị H, sinh năm 1995. Có mặt
Nơi ĐKHKTT: Xóm T, xã V, huyện D, tỉnh Nghệ An.
Chỗ ở hiện tại: Xóm H, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh

2. *Bị đơn*: Anh Hồ Ngọc T sinh năm 1992. Vắng mặt
Địa chỉ: Xóm T, xã V, huyện D, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/8/2017, bản tự khai, quá trình tố tụng tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Hồ Ngọc T kết hôn với nhau vào ngày 09/9/2016 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện D, tỉnh Nghệ An. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn rồi xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do tính tình không hợp, quan điểm sống của vợ chồng khác nhau, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau, anh Tú có quan hệ tình cảm với người khác, không chung thủy. Đến ngày 20/01/2017 vợ chồng sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị Trần Thị H xin ly hôn anh Hồ Ngọc T.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Hồ Bảo H, sinh ngày 15/3/2017. Hiện nay đang ở với chị H. Ly hôn chị Hợi xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trong đơn khởi kiện chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên Tòa chị đồng ý với đề nghị cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng của anh T cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

Về quan hệ tài sản: Chị Trần Thị H không yêu cầu tòa án giải quyết quan hệ tài sản chung vợ chồng.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn anh Hồ Ngọc T trình bày:

Về hôn nhân: Anh T thống nhất về quá trình kết hôn như chị Trần Thị H trình bày ở trên là đúng. Vợ chồng kết hôn tự nguyện. Trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không thể chung sống với nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2017 đến nay chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay tình cảm vợ chồng không còn. Chị Trần Thị H xin ly hôn thì anh Tú cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh Tú thống nhất về việc vợ chồng có 01 cong chung và họ tên ngày tháng năm sinh của con chung như chị H trình bày ở trên là đúng. Anh T thống nhất giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H mỗi tháng 1.000.000đ đến lúc con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

Về quan hệ tài sản: Anh T không yêu cầu tòa án giải quyết quan hệ tài sản chung vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải do đó căn cứ vào Khoản 4 Điều 207 BLTTDS đây là vụ án không tiến hành hòa giải được. Bị đơn anh Hồ Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Hồ Ngọc T.

[2]. Về hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Hồ Ngọc T kết hôn với nhau vào ngày 09/9/2016 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện D, tỉnh Nghệ An. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân vợ chồng chị H anh T xảy ra mâu thuẫn là do tính tình không hợp, quan điểm sống của vợ chồng khác nhau, không tìm được tiếng nói chung. Cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Đến ngày 20/01/2017 vợ chồng sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Cuộc sống chung của vợ chồng chị H và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho chị Trần Thị H và anh Hồ Ngọc T được ly hôn.

[3]. Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Hồ Ngọc T có một con chung là Hồ Bảo H, sinh ngày 15/3/2017. Hiện nay đang ở với chị H. Cháu Hồ Bảo H mới được 07 tháng tuổi đang trong thời gian bú sữa mẹ do đó căn cứ vào Điều 81 Luật

hôn nhân và gia đình giao con chung cho chị Trần Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục. Đồng thời phù hợp với nguyện vọng về nuôi con của chị H và anh T. Anh Hồ Ngọc T có nguyện vọng cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/tháng cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi trưởng thành và chị H cũng đồng ý việc anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, căn cứ Điều 82 Luật HNGĐ chấp nhận việc anh Hồ Ngọc T cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Trần Thị H mỗi tháng 1.000.000đ tính từ tháng 10/2017 đến lúc con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

Anh T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4]. Về quan hệ tài sản: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh Hồ Ngọc T phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Hồ Ngọc T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là Hồ Bảo H, sinh ngày 15/3/2017 cho chị Trần Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Hồ Ngọc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Trần Thị H 1.000.000đ/tháng tính từ tháng 10/2017 đến lúc con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

Anh T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp tại chị cục thi hành án dân sự huyện Diễn Châu theo biên lai số 0004271 ngày 05/10/2017.

Anh Hồ Ngọc T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS huyện Diễn Châu;
- THADS;
- Lưu VP, HS;
- UBND xã V;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Thế Kỷ